TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2023/QĐST-DS	*Trà Cú, ngày 31 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Duyên

Thư ký phiên họp: Ông Lê Chế Linh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên họp: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 151/2023/TLST-DS, ngày 26 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định mở phiên họp số: 11/2023/QĐST-VDS, ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Huỳnh Thị N, sinh năm1965

Địa chỉ: ấp CH, xã HT, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lâm Thị C, sinh năm 1972

2. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: ấp CH, xã HT, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh

3. Ông Trần Văn T, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp C, xã PH, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án ngày 08/6/2023 và bản tự khai ngày 02/8/2023 người yêu cầu bà Huỳnh Thị N trình bày: Ngày 23 tháng 5 năm 2023 bà có làm đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai với bà Lâm Thị C, diện tích tranh chấp khoảng 230m^2, thuộc thửa 421, tọa lạc ấp CH, xã HT, huyện TrC tỉnh Trà Vinh do bà Huỳnh Thị K là mẹ bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bà Huỳnh Thị K đã chết). Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông nội bà là ông Huỳnh S để lại cho cha mẹ của bà là ông Huỳnh B và bà Thạch Thị P. Từ khi gia đình bà sử dụng phần đất này đến nay là trên 40 năm không ai tranh

chấp, do bà không biết chữ và không hiểu biết nên không đăng ký kê khai. Sau này bà mới được biết là bà Huỳnh Thị K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích thửa 421 là 560m^2 (trong đó có 230m^2 của gia đình bà). Ngày 05 tháng 6 năm 2023, Tổ hòa giải ấp CH có mời bà và bà Lâm Thị C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị Đ (là các con của bà K) đến để hòa giải phần đất tranh chấp trên. Theo biên bản hòa giải, bà C và ông T, bà Đ thống nhất giao phần đất tranh chấp 230m^2 (theo sơ đồ hiện trạng mà UBND xã HT xác định) cho bà là Huỳnh Thị N, do phần đất này gia đình bà đã sử dụng từ năm 1980. Sau đó các bên đã thống nhất kí tên vào biên bản cam kết thực hiện trên cơ sở tự nguyện. Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xem xét công nhận kết quả hòa giải thành trên để hai bên thực hiện các bước tiếp theo được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tránh mâu thuẫn tranh chấp về sau. Bà Huỳnh Thị N có đơn đề nghị mở phiên họp vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lâm Thị C, bà Trần Thị Đ và ông Trần Văn T có đơn đề nghị Tòa án mở phiên họp vắng mặt và thống nhất với ý kiến hòa giải thành ngày 05/6/2023, đồng ý tách thửa cho bà Huỳnh Thị N diện tích đất 230m^2 thuộc thửa 421 tờ bản đồ số 9 tọa lạc ấp CH, xã HT, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh do bà Huỳnh Thị Kđứng tên, bà Khuyên chỉ có 03 người con là bà Lâm Thị C, ông Trần Văn T và bà Trần Thị Đ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng quy định tại các điều 27, 35, 366, 419 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nội dung thỏa thuận hòa giải thành giữa các bên ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 05/6/2023 của Tổ hòa giải ấp CH, xã HT, huyện TrC là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba. Đề nghị áp dụng các điều 146, 314, 363, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Huỳnh Thị N; Công nhận kết quả hòa giải thành ngày 05/6/2023 của Tổ hòa giải ấp CH, xã HT, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh với nội dung những người thừa kế của bà Huỳnh Thị K là bà Lâm Thị C, ông Trần Văn T và bà Lâm Thị Đ đồng ý tách thửa cho bà Huỳnh Thị N diện tích đất 230m^2 thuộc thửa 421 tờ bản đồ số 9 tọa lạc ấp CH, xã HT, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh do bà Huỳnh Thị K đứng tên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Trà Cú nhận định:

[1] Người yêu cầu bà Huỳnh Thị N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị C, ông Trần Văn T và bà Trần Thị Đ có đơn đề nghị mở phiên họp vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt bà N, bà C, ông T và bà Đ.

[2] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thửa đất số 421, tờ bản đồ số 9, loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp CH, xã HT, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh có diện tích chung 560m^2 do bà Huỳnh Thị Kđứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên bà Huỳnh Thị N sử dụng một phần diện tích là 230m^2 trên 40 năm nay nhưng bà Nhản không kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 23/5/2023 bà Huỳnh Thị N có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp. Ngày 05/6/2023 Tổ hòa giải ấp Cà Hom, xã Hàm Tân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tiến hành hòa giải theo quy định.

Xét thấy đất tranh chấp diện tích 230m^2 thuộc thửa 421, tờ bản đồ số 9, loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp CH, xã HT, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh nên Tổ Hòa giải ấp Cà Hom, xã Hàm Tân tổ chức hòa giải tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013; Điều 3, Điều 12, Điều 13 Luật hòa giải ở cơ sở; Điều 5 Nghị định số: 15/2014/NĐ-CP, ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết mội số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải cơ sở. Các bên tham gia hòa giải là người có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận hòa giải (do bà Huỳnh Thị Klà người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chết nên những người thừa kế theo pháp luật của bà Khuyên là bà Lâm Thị C, ông Trần Văn T và bà Trần Thị Đ tham gia hòa giải). Nội dung thỏa thuận hòa giải thành giữa các bên ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 05/6/2023 của Tổ hòa giải ấp CH, xã HT là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba.

Căn cứ các điều 27, 35, 39, 363, 369, 370, 417, 418, 419 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 202 Luật đất đai năm 2013; Điều 3, Điều 12, Điều 13 Luật hòa giải ở cơ sở; Điều 5 Nghị định số:15/2014/NĐ-CP, ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết mội số điều và biện pháp thi hành luật hòa giải cơ sở; Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số: 151/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023, cụ thể như sau:

Bà Lâm Thị C, ông Trần Văn T và bà Trần Thị Đ đồng ý giao diện tích đất 230m^2 thuộc thửa số 421 tờ bản đồ số 9 tọa lạc ấp Cà Hom, xã Hàm Tân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh cho bà Huỳnh Thị N, phần đất có tứ cận theo sơ đồ của UBND xã Hàm Tân xác nhận.

Hướng Đông giáp thửa 420 có kích thước 28,5m;

Hướng Tây giáp thửa 422 có kích thước 28,5m;

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 421 có kích thước 8,7m;

Hướng Bắc giáp thửa 255 có kích thước 7,5m.

(Kèm theo sơ đồ)

Bà Lâm Thị C, ông Trần Văn T và bà Trần Thị Đ có trách nhiệm giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 421 cho bà Huỳnh Thị N tách thửa với diện tích theo sự thỏa thuận trên.

Điều 2. Bà Huỳnh Thị N phải chịu tiền lệ phí Tòa án giải quyết việc dân sự 300.000 đồng, nhưng bà Nhản đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016976, ngày 26/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú nên không phải nộp tiếp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- Người liên quan;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Duyên